

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021



Tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Viettronics Tân Bình (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021 cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/05/2021
Ông Bùi Mạnh Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/05/2021
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/05/2021
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên	
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Ông Huỳnh Đức Hiền	Phụ trách quản trị	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2021
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2021
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Thùy Linh

Người đại diện theo pháp luật

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12, từ ngày 08/07/2021, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Văn Viết Tuấn - Tổng Giám đốc. Trước đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Dương Ngọc Duy.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện phát sinh nào sau ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2021



Số: 477/2021/UHY - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 08 năm 2021, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề về tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.597.717.250	117.172.056.975
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	379.566.402	610.414.429
Tiền	111		379.566.402	610.414.429
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	22.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.866.908.966	34.441.577.968
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.047.737.203	23.863.794.041
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		889.455.101	3.442.317.815
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.186.036.689	13.061.989.895
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8	(6.256.320.027)	(5.926.523.783)
Hàng tồn kho	140	9	43.113.803.625	76.149.275.805
Hàng tồn kho	141		43.113.803.625	76.149.275.805
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.737.438.257	4.470.788.773
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	2.297.303.518	4.030.654.034
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	440.134.739	440.134.739
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.676.701.277	116.622.567.890
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.215.447.540	18.215.447.540
Trả trước cho người bán dài hạn	212		18.215.447.540	18.215.447.540
Tài sản cố định	220		81.545.232.748	42.149.359.341
Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.622.071.830	22.922.335.707
- Nguyên giá	222		130.379.712.003	89.297.536.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.757.640.173)	(66.375.200.591)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.923.160.918	19.227.023.634
- Nguyên giá	228		26.879.755.225	26.879.755.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.956.594.307)	(7.652.731.591)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.444.148.637	46.199.643.365
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	9.444.148.637	46.199.643.365
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	5.484.415.057	5.484.415.057
Đầu tư vào công ty con	251		9.710.300.000	9.710.300.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.225.884.943)	(4.225.884.943)
Tài sản dài hạn khác	260		5.987.457.295	4.573.702.587
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	5.787.457.295	4.373.702.587
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		200.000.000	200.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		228.274.418.527	233.794.624.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		40.985.474.776	47.579.653.579
Nợ ngắn hạn	310		32.211.986.859	34.983.436.727
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	532.235.566	459.146.340
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	21.437.318.742	20.839.853.056
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.865.027.163	637.458.801
Phải trả người lao động	314		2.092.588.341	3.325.786.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.398.352.057	1.637.942.252
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.787.092.413	7.126.021.635
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	-	170.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.099.372.577	787.228.295
Nợ dài hạn	330		8.773.487.917	12.596.216.852
Phải trả dài hạn khác	337	18	8.773.487.917	7.096.216.852
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	5.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.288.943.751	186.214.971.286
Vốn chủ sở hữu	410	19	187.288.943.751	186.214.971.286
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
Cổ phiếu quỹ	415		(22.877.138.591)	(22.877.138.591)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.335.740.792	7.335.740.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.703.442.750	12.629.470.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.761.570.549	8.642.048.781
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.941.872.201	3.987.421.504
TỔNG NGUỒN VỐN	440		228.274.418.527	233.794.624.865



Văn Viết Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	75.445.144.314	46.877.962.394
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.809.760.218	2.883.962.657
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.635.384.096	43.993.999.737
Giá vốn hàng bán	11	22	53.132.105.795	20.202.001.984
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.503.278.301	23.791.997.753
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.032.173.778	646.346.658
Chi phí tài chính	22	24	128.272.317	170.648.141
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.253.417	173.308.181
Chi phí bán hàng	25	25	18.859.113.294	15.359.056.419
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.690.238.291	5.710.898.156
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.857.828.177	3.197.741.695
Thu nhập khác	31		237.047.535	373.016.420
Chi phí khác	32		153.003.511	710.226.695
Lợi nhuận khác	40		84.044.024	(337.210.275)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.941.872.201	2.860.531.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	467.695.427
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.941.872.201	2.392.835.993



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		74.781.374.618	50.129.999.636
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(27.049.868.394)	(30.548.341.567)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(11.034.596.710)	(9.702.813.766)
Tiền lãi vay đã trả	4		(23.853.417)	(264.207.881)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(379.060.256)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.468.193.078	1.068.796.953
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(14.037.245.636)	(2.854.621.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.104.003.539	7.449.751.693
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.502.573.206)	(7.568.724.760)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.500.000.000)	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	26.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.876.038.040	1.703.695.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.626.535.166)	15.634.970.847
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		5.973.428.860	12.240.158.060
Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.643.428.860)	(31.312.042.489)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.038.316.400)	(1.068.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.708.316.400)	(19.072.952.429)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(230.848.027)	4.011.770.111
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	610.414.429	417.764.899
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	379.566.402	4.429.535.010



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300391837 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỉ đồng).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2021: 119.820.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Nhân viên công ty tại 30/06/2021 là 124 người. (Tại ngày 31/12/2020 là 117 người)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất thiết bị điện tử - chi tiết: sản xuất sản phẩm điện lạnh, điện dân dụng. Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế, bán buôn máy phát điện.
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không sản xuất tại trụ sở).
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm tin học, bảo dưỡng, sửa chữa máy tính.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm- chi tiết: kinh doanh sản phẩm tin học, mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông - chi tiết: kinh doanh sản phẩm điện tử, thiết bị điện tử viễn thông linh kiện điện thoại điều khiển thiết bị phát sóng.
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính - chi tiết thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông) (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).
- Sửa chữa máy móc, thiết bị chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa máy văn phòng, sửa chữa máy móc, thiết bị y tế.
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện.
- Lắp đặt hệ thống điện - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện dân dụng.
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng - chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chụp ảnh, ti vi, loa.
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in: máy photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ, thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, bán buôn hóa chất xét nghiệm cho ngành y tế (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - chi tiết hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không sản xuất tại trụ sở).
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng - chi tiết sản xuất sản phẩm điện, điện tử (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện).
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính - chi tiết: sản xuất sản phẩm tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm điện tử (không gia công cơ khí, tái chế biến thải, xi, mạ, điện tại trụ sở).
- Sửa chữa thiết bị điện - chi tiết: lắp ráp, bảo hành sản phẩm điện, điện lạnh, điện dân dụng.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - chi tiết: kinh doanh sản phẩm điện, mua bán máy giặt, giường, tủ, bàn ghế, dụng cụ y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính - chi tiết tích hợp mạng cục bộ (LAN), tư vấn phần cứng - phần mềm máy tính).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - chi tiết: doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc.
- Bốc xếp hàng hóa hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hải cảng.
- Đại lý môi giới, đấu giá - chi tiết môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải đường bộ.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021
Công ty con					
Công ty CP Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vitek – VTB Hà Nội	P.601, số 18 phố Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.	81,86%	81,86%	81,86%	81,86%
Công ty CP Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình- Nhà máy sản xuất, lắp ráp tivi màu	6 Phạm Văn Hai, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình- Nhà máy sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện dân dụng	B58/II-B59/II Đường 2E, KCN Vĩnh Lộc, H. Bình Chánh, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình tại Hà Nội	Tầng 3, tòa nhà 3B Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình- Nhà máy sản xuất, lắp ráp điện tử, điện dân dụng và tin học Cát Lái	Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- d. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- e. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành.

Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào năm thứ 3 kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Doanh thu bán khâu trang y tế chịu thuế suất 5%.

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 BÊN LIÊN QUAN

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh cho giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	290.687.992	98.200.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.878.410	512.213.440
	379.566.402	610.414.429

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.297.303.518	4.030.654.034
- Các khoản khác	2.297.303.518	4.030.654.034
Dài hạn	5.787.457.295	4.373.702.587
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	544.990.007	113.241.862
- Chi phí sửa chữa văn phòng	904.040.480	2.759.517.215
- Chi phí tác quyền âm nhạc	271.534.226	405.568.292
- Chi phí khác	4.066.892.582	1.095.375.218
	8.084.760.813	8.404.356.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thường Tín	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	2.000.000.000	2.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
	22.500.000.000	22.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm tại các Ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 3,7% - 6,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	9.710.300.000	(4.225.884.943)	9.710.300.000	(4.225.884.943)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB (1)	3.150.300.000	(1.165.884.943)	3.150.300.000	(1.165.884.943)
+ Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội (2)	3.060.000.000	(3.060.000.000)	3.060.000.000	(3.060.000.000)
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB (3)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	9.710.300.000	(4.225.884.943)	9.710.300.000	(4.225.884.943)

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB số tiền 3.150.300.000 đồng (Ba tỉ một trăm năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tương đương 51% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308954094 đăng ký thay đổi lần 8 ngày 06 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất phần mềm; lập trình máy vi tính; xử lý dữ liệu máy vi tính; sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Hoạt động của các điểm truy cập internet (không hoạt động tại trụ sở). Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet. Đào tạo nghề. Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- (2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội số tiền 3.060.000.000 đồng (Ba tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng) tương đương 81,86% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0105512799 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; sản xuất máy điều hòa nhiệt độ.
- (3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỉ năm trăm triệu đồng) tương đương 70% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0311692843 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2012, thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất dây, cáp và điện tử khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	29.047.737.203	(6.255.247.212)	23.863.794.041	(5.925.450.968)
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Thông Tin VTB	8.427.455.199	-	7.027.156.361	-
- Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	9.266.014.714	(6.255.247.212)	9.191.235.630	(5.925.450.968)
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại JS VTB	109.731.918	-	-	-
- Công ty TNHH Tín Dũng	3.652.078.002	-	244.994.010	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.592.457.370	-	7.400.408.040	-
Dài hạn	-	-	-	-
	29.047.737.203	(6.255.247.212)	23.863.794.041	(5.925.450.968)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	17.803.201.831	(6.255.247.212)	16.218.391.991	(5.925.450.968)
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Thông Tin VTB	8.427.455.199	-	7.027.156.361	-
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại JS VTB	109.731.918	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	9.266.014.714	(6.255.247.212)	9.191.235.630	(5.925.450.968)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.186.036.689	(1.072.815)	13.061.989.895	(1.072.815)
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	266.127.398	-	313.545.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.075.536.464	-	1.073.036.464	-
- Lãi tiền gửi	175.898.630	-	79.335.616	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.668.474.197	(1.072.815)	11.596.072.815	(1.072.815)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	117.401.382	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	13.550.000.000	-	11.550.000.000	-
+ Phải thu đối tượng khác	1.072.815	(1.072.815)	46.072.815	(1.072.815)
Dài hạn	-	-	-	-
	15.186.036.689	(1.072.815)	13.061.989.895	(1.072.815)
Phải thu khác là các bên liên quan	13.667.401.382	-	11.550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	117.401.382	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	13.550.000.000	-	11.550.000.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.580.828.130	-	7.681.841.183	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	286.318.179	-	286.318.179	-
Thành phẩm	31.990.954.796	-	65.678.679.893	-
Hàng hóa	2.255.702.520	-	2.502.436.550	-
	43.113.803.625	-	76.149.275.805	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2021	52.510.112.131	32.428.239.937	4.359.184.230	89.297.536.298
- Mua trong kỳ	-	403.318.182	-	403.318.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	35.503.798.671	5.175.058.852	-	40.678.857.523
30/06/2021	<u>88.013.910.802</u>	<u>38.006.616.971</u>	<u>4.359.184.230</u>	<u>130.379.712.003</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2021	(37.495.176.833)	(25.994.389.520)	(2.885.634.238)	(66.375.200.591)
- Khấu hao trong kỳ	(745.609.440)	(488.141.598)	(148.688.544)	(1.382.439.582)
30/06/2021	<u>(38.240.786.273)</u>	<u>(26.482.531.118)</u>	<u>(3.034.322.782)</u>	<u>(67.757.640.173)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2021	<u>15.014.935.298</u>	<u>6.433.850.417</u>	<u>1.473.549.992</u>	<u>22.922.335.707</u>
30/06/2021	<u>49.773.124.529</u>	<u>11.524.085.853</u>	<u>1.324.861.448</u>	<u>62.622.071.830</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 13.707.142.364 đồng (Tại 31/12/2020 là 14.377.575.926 đồng);

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là: 48.315.109.728 đồng (tại ngày 31/12/2020 số tiền: 47.567.548.283 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2021	26.132.193.780	747.561.445	26.879.755.225
30/06/2021	26.132.193.780	747.561.445	26.879.755.225
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2021	(6.905.170.146)	(747.561.445)	(7.652.731.591)
- Khấu hao trong kỳ	(303.862.716)	-	(303.862.716)
30/06/2021	(7.209.032.862)	(747.561.445)	(7.956.594.307)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2021	19.227.023.634	-	19.227.023.634
30/06/2021	18.923.160.918	-	18.923.160.918

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 số tiền là: 18.923.160.918 đồng (tại 31/12/2020 số tiền là: 19.227.023.634 đồng).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là: 747.561.445 đồng (tại ngày 31/12/2020 số tiền: 747.561.445 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.444.148.637	46.199.643.365
- Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình	9.444.148.637	9.444.148.637
- Công trình nhà xưởng tại Cát Lái	-	36.755.494.728
	9.444.148.637	46.199.643.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Ngắn hạn	532.235.566	532.235.566	459.146.340	459.146.340
- Công ty TNHH Bao Bì và Quà Tặng Tam Thành	411.248.750	411.248.750	220.562.177	220.562.177
- Các đối tượng khác	120.986.816	120.986.816	238.584.163	238.584.163
Dài hạn	-	-	-	-
	532.235.566	532.235.566	459.146.340	459.146.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	413.277.541	4.339.442.813	1.945.282.265	2.807.438.089
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	153.295.772	153.295.772	-
- Thuế thu nhập cá nhân	224.181.260	216.219.609	382.811.795	57.589.074
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	164.235.644	164.235.644	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	637.458.801	4.877.193.838	2.649.625.476	2.865.027.163
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	440.134.739	-	-	440.134.739
	440.134.739	-	-	440.134.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	-	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (1)	-	-	-	170.000.000	170.000.000	170.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	5.973.428.860	11.473.428.860	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Định	-	-	5.973.428.860	11.473.428.860	5.500.000.000	5.500.000.000
	-	-	5.973.428.860	11.643.428.860	5.670.000.000	5.670.000.000

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 077/KHDN/20/HMCV ký ngày 27/07/2020:

- Hạn mức cho cấp tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: Đến hết ngày 27/07/2021;
- Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
- Thời hạn trả nợ gốc: Theo từng lần nhận nợ, 6 tháng từ ngày giải ngân;
- Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng;

Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II - B59/II, Đường số 2E - KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	21.437.318.742	20.839.853.056
- Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Thông Tin VTB	320.960.000	-
- Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	226.000.000	-
- Các khoản Khách hàng trả tiền trước khác	890.358.742	839.853.056
Dài hạn	-	-
	21.437.318.742	20.839.853.056
Người mua trả tiền trước bên liên quan	320.960.000	-
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Thông Tin VTB	320.960.000	-
- Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	226.000.000	-

(*) Khoản tiền thu trước Hợp đồng chuyển nhượng dự án 06 Phạm Văn Hai theo Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng số 153/2016/VTB-PTN ngày 23/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.398.352.057	1.637.942.252
- Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam, phía Bắc	550.584.295	847.754.915
- Trích chi phí ký quỹ Tivi Sansui	448.100.000	196.600.000
- Trích trước chi phí bảo vệ	180.075.000	121.275.000
- Chi phí phải trả khác	219.592.762	472.312.337
Dài hạn	-	-
	1.398.352.057	1.637.942.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.787.092.413	7.126.021.635
- Kinh phí công đoàn	48.028.680	47.494.960
- Bảo hiểm xã hội	16.288.158	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.722.775.575	7.078.526.675
+ <i>AV xưởng Audio</i>	-	329.163.700
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	2.710.544.500	6.748.860.900
+ <i>Phải trả khác</i>	12.231.075	502.075
Dài hạn	8.773.487.917	7.096.216.852
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.773.487.917	7.096.216.852
	11.560.580.330	14.222.238.487
Phải trả khác bên liên quan	2.654.960.000	6.654.960.000
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	2.654.960.000	6.654.960.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	15.044.308.781	188.629.809.782
- Lãi trong năm	-	-	-	-	9.389.681.504	9.389.681.504
- Phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	(6.402.260.000)	(6.402.260.000)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
+ Cổ tức	-	-	-	-	(5.402.260.000)	(5.402.260.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(5.402.260.000)	(5.402.260.000)
+ Cổ tức	-	-	-	-	(5.402.260.000)	(5.402.260.000)
31/12/2020	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	12.629.470.285	186.214.971.286
01/01/2021	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	12.629.470.285	186.214.971.286
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.941.872.201	2.941.872.201
- Phân phối lợi nhuận năm 2020 (*)	-	-	-	-	(1.867.899.736)	(1.867.899.736)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.567.899.736)	(1.567.899.736)
+ Chi thưởng HĐQT và BĐH	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
30/06/2021	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	13.703.442.750	187.288.943.751

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2021/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	66.549.600.000	66.549.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	53.270.900.000	53.270.900.000
	119.820.500.000	119.820.500.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Lợi nhuận đã phân phối	1.867.899.736	6.402.260.000

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.335.740.792	7.335.740.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.445.144.314	46.877.962.394
	75.445.144.314	46.877.962.394
Doanh thu với các bên liên quan	25.834.337.587	10.182.862.989
+ Công ty CP Công nghệ thông tin VTB	24.648.958.431	8.792.079.653
+ Công ty CP Vitek - VTB Hà Nội	73.400.100	365.790.547
+ Công ty CP Thương Mại JS -VTB	1.111.979.056	1.024.992.789

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Hàng bán bị trả lại	2.809.760.218	2.883.962.657
	2.809.760.218	2.883.962.657

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	53.132.105.795	20.202.001.984
	53.132.105.795	20.202.001.984

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	222.601.054	196.157.253
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	59.572.724	55.965.342
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.750.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	394.224.063
	9.032.173.778	646.346.658

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	23.253.417	173.308.181
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	-	(2.660.040)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	105.018.900	-
	128.272.317	170.648.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.690.238.291	5.710.898.156
- Chi phí nguyên vật liệu	121.917.544	136.011.718
- Chi phí nhân công	4.586.500.447	4.157.757.038
- Chi phí khấu hao TSCĐ	158.716.404	158.716.404
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.533.441	529.211.556
- Chi phí bằng tiền khác	1.253.570.455	729.201.440
Các khoản chi phí bán hàng	18.859.113.294	15.359.056.419
- Chi phí nguyên vật liệu	63.236.348	29.551.650
- Chi phí nhân công	3.988.534.057	3.096.376.124
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.526.085.894	1.139.059.369
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.783.536.251	1.610.693.965
- Chi phí bằng tiền khác	11.497.720.744	9.483.375.311
	25.549.351.585	21.069.954.575

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.336.497.206	17.602.528.861
Chi phí nhân công	11.396.788.022	10.059.443.166
Khấu hao tài sản cố định	1.686.302.298	1.299.275.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.834.411.047	2.557.047.345
Chi phí bằng tiền khác	12.877.931.168	10.885.528.399
	38.131.929.741	42.403.823.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.941.872.201	2.860.531.420
Các khoản chi phí không được khấu trừ	23.364.000	480.150.203
- Tiền phạt chậm nộp thuế	-	443.783.567
- Chi phí không hợp lý khác	23.364.000	36.366.636
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	8.750.000.000	-
- Cổ tức nhận được chia	8.750.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(5.784.763.799)	3.340.681.623
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	668.136.325
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 về việc giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020	-	(200.440.897)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	467.695.427

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan có phát sinh trong giai đoạn 01/01/2021 đến 30/06/2021 bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con
- Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty có cùng Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Thù lao của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
1	Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/05/2021	8.000.000	-
2	Ông Bùi Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT đến ngày 01/05/2021	20.000.000	24.000.000
3	Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên	12.000.000	12.000.000
4	Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	12.000.000	12.000.000
5	Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	12.000.000	12.000.000
6	Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên đến ngày 29/04/2021	8.000.000	12.000.000
Tổng cộng			72.000.000	72.000.000

Thù lao và tiền lương của Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thù lao và tiền lương của Ban Kiểm soát	90.251.000	65.052.000
Tổng cộng	90.251.000	65.052.000

Tiền lương của Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
1	Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Tổng Giám đốc đến ngày 01/07/2021	189.025.000	169.641.000
Tổng cộng			189.025.000	169.641.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		
- Cổ tức đã trích	-	3.327.480.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa		
- Mua hàng	-	152.643.032
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.648.958.431	8.792.079.653
- Hàng bán bị trả lại	1.215.219.739	-
- Phạt lãi nợ quá hạn	99.685.301	76.725.936
- Mua hàng	4.116.474	2.349.953.780
- Thu nhập khác	49.921.888	32.373.758
- Trích trước chi phí dịch vụ	21.395.363	59.998.068
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội		
- Bán hàng	73.400.100	365.790.547
- Hàng bán bị trả lại	-	31.736.966
- Thu nhập khác	-	46.068.427
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.111.979.056	1.024.992.789
- Phạt lãi nợ quá hạn	-	312.731.569
- Thu nhập khác	85.909.091	284.034.833
- Cổ tức được chia	8.750.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		
Phải trả khác	2.654.960.000	6.654.960.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB		
Phải thu khách hàng	8.427.455.199	7.027.156.361
Người mua trả tiền trước	320.960.000	-
Phải thu khác	117.401.382	-
Chi phí phải trả	7.295.728	-
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội		
Phải thu khách hàng	9.266.014.714	9.191.235.630
Người mua trả tiền trước	226.000.000	-
Công ty Cổ phần thương mại JS VTB		
Phải thu khách hàng	109.731.918	-
Phải thu khác	13.550.000.000	11.550.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm điện máy dân dụng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28.3 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang thực hiện mua một khu đất tại KCN Cát Lái theo Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 – KCN Cát Lái và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình. Hai bên đã tiến hành lập biên bản giao mốc số 01/BBGM/KCN ngày 15/01/2010. Cho đến thời điểm 30/06/2021 Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 đồng trên tổng giá trị thanh toán là 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc). Tuy nhiên tới thời điểm 30/06/2021, hai bên vẫn chưa làm hợp đồng thuê đất chính thức và Công ty CP Viettronics Tân Bình vẫn chưa có được quyền sử dụng đất đối với lô đất này. Công ty đang ghi nhận khoản tiền đã trả cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2-KCN Cát Lái là khoản trả trước người bán, đã phát sinh từ nhiều năm nay tuy nhiên chưa hoàn thiện các thủ tục thuê đất. Tuy nhiên hiện nay, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 – KCN Cát Lái đang hoàn tất các thủ tục pháp lý ký hợp đồng chính thức với Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình.

28.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

29 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập